

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Ngày 30/09/2025	71,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.5%	-5.6%	-5.7%

DT thuần Q3/25	129	tỷ VNĐ
QoQ:	▼19.0	-12.7%
YoY:	▼50.0	-27.8%

LN thuần Q3/25	94.6	tỷ VNĐ
QoQ:	▲ 10.3	12.2%
YoY:	▼44.4	-32.0%

LN sau thuế Q3/25	81.3	tỷ VNĐ
QoQ:	▲ 13.9	20.7%
YoY:	▼46.7	-36.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	73.2%
YoY:	+/-▲ 16.3%

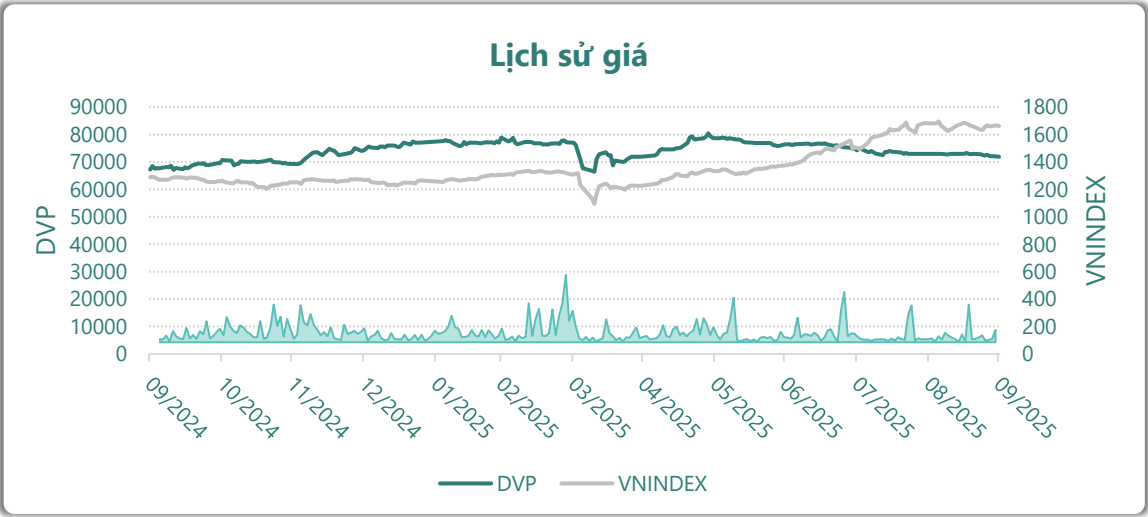
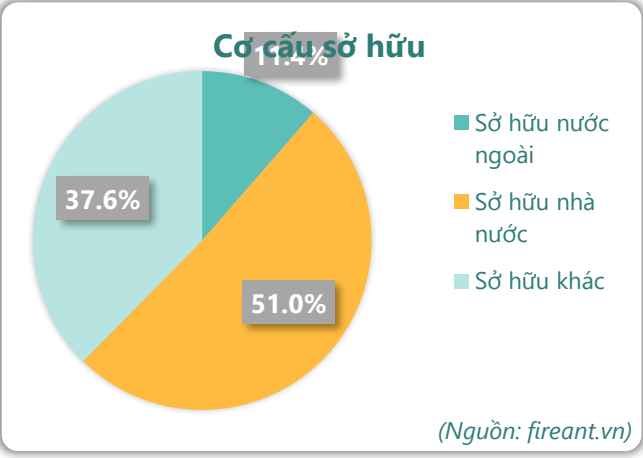
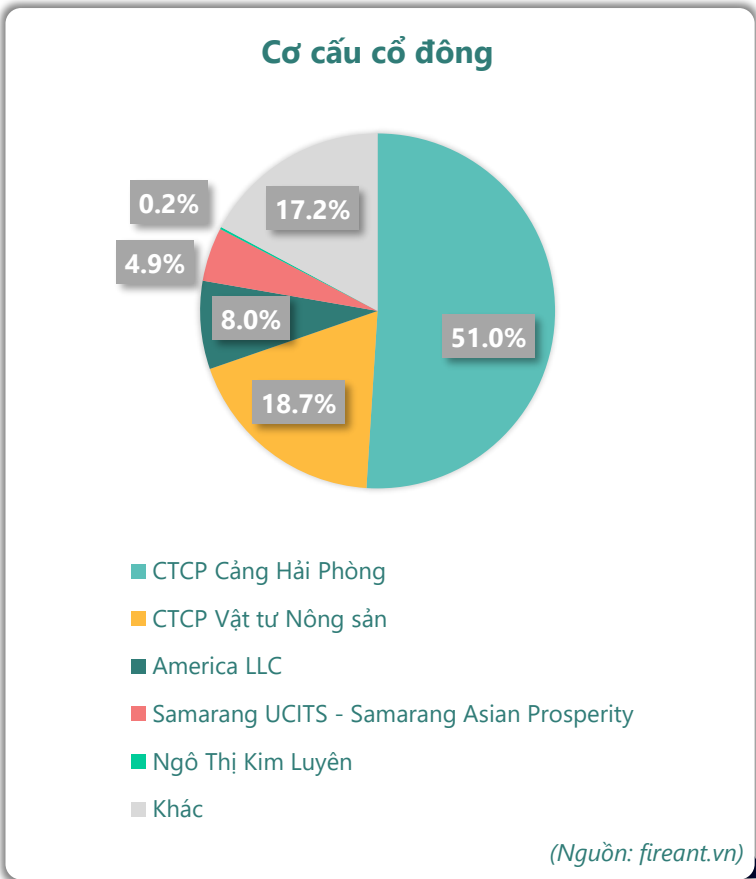
ROE (TTM) Q3/25	19.9%
YoY:	+/-▼ 5.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	66,442 - 80,444
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,876
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,295
Sở hữu nước ngoài	11.4%
Beta	0.40
EPS	6,869
P/E	10.5

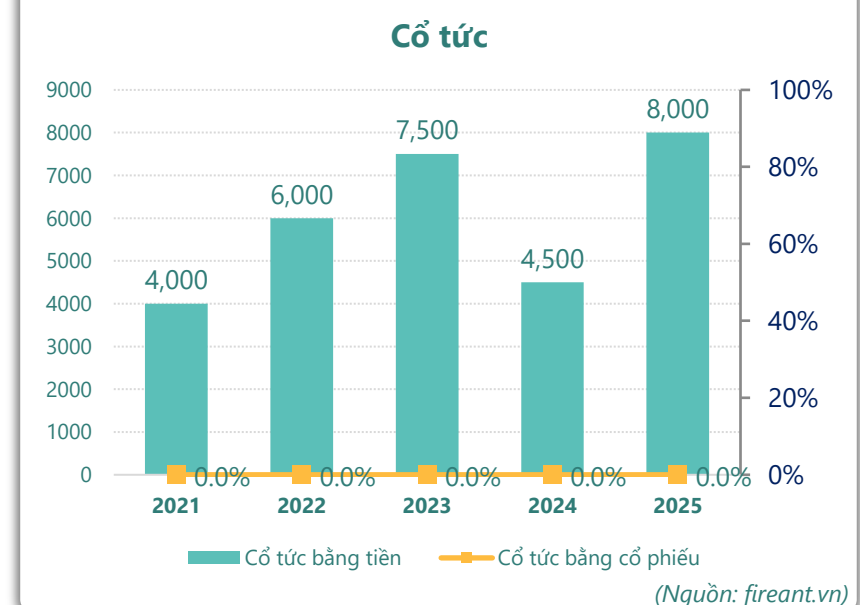
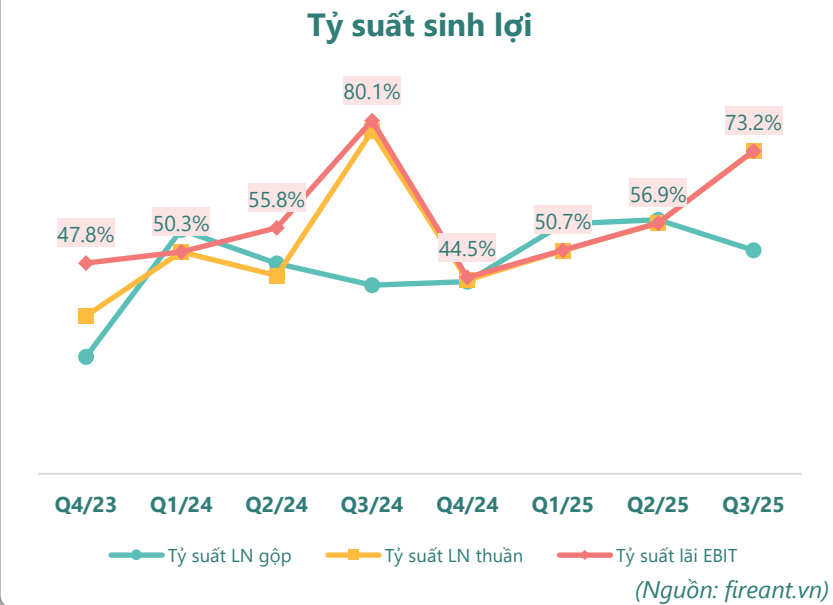
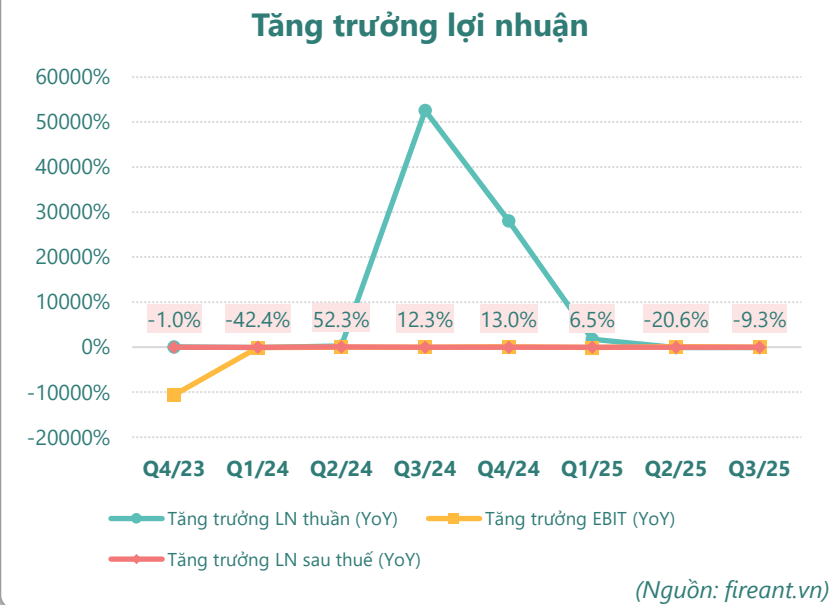
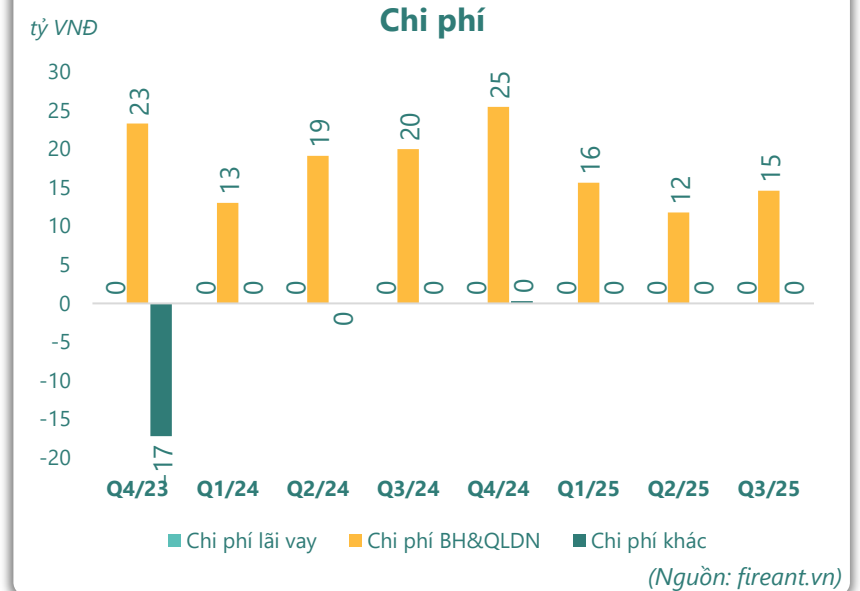
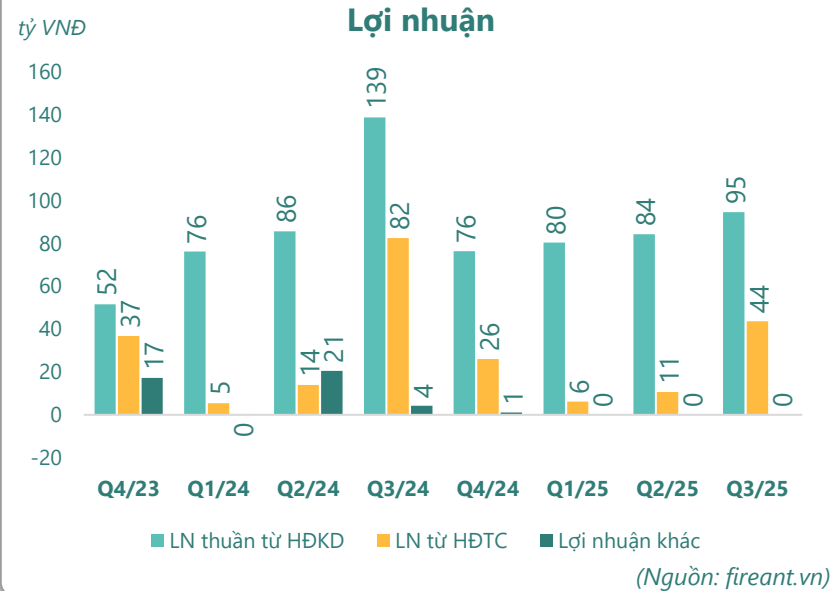
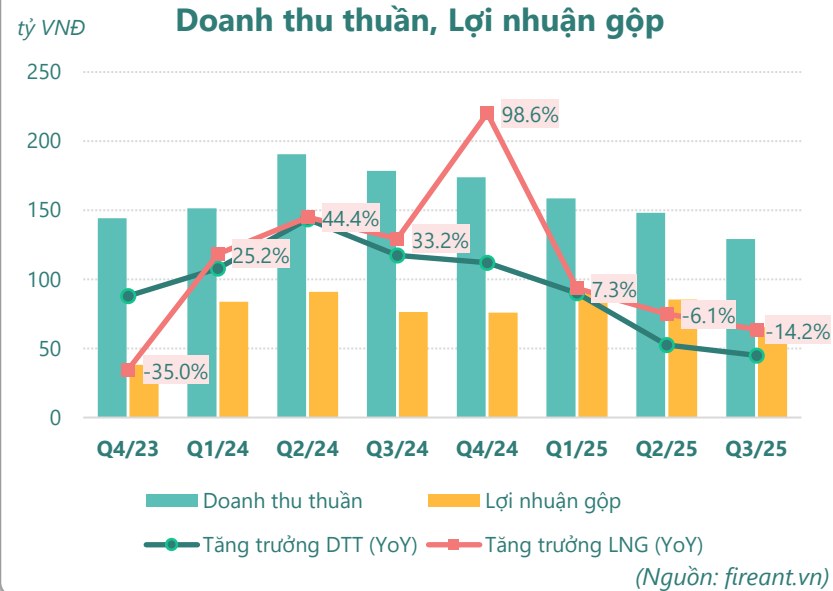
DT thuần 9T 2025	436	tỷ VNĐ
YoY:	▼84.0	-16.2%

LN thuần 9T 2025	259	tỷ VNĐ
YoY:	▼42.0	-13.8%

LN sau thuế 9T 2025	213	tỷ VNĐ
YoY:	▼61.0	-22.4%



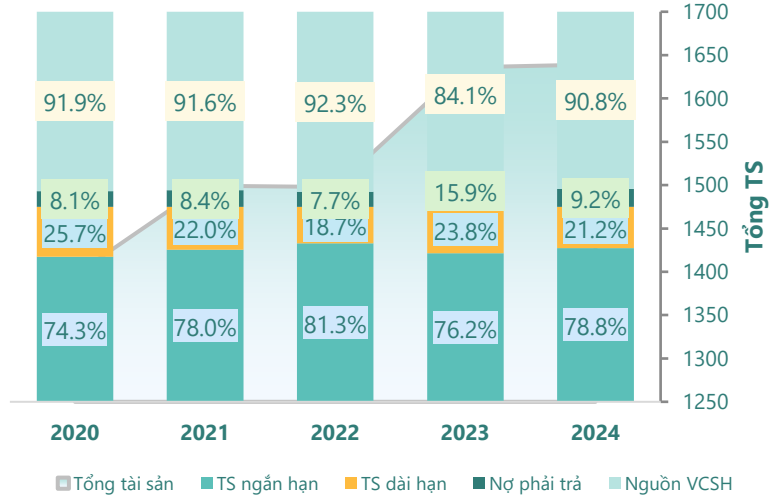
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

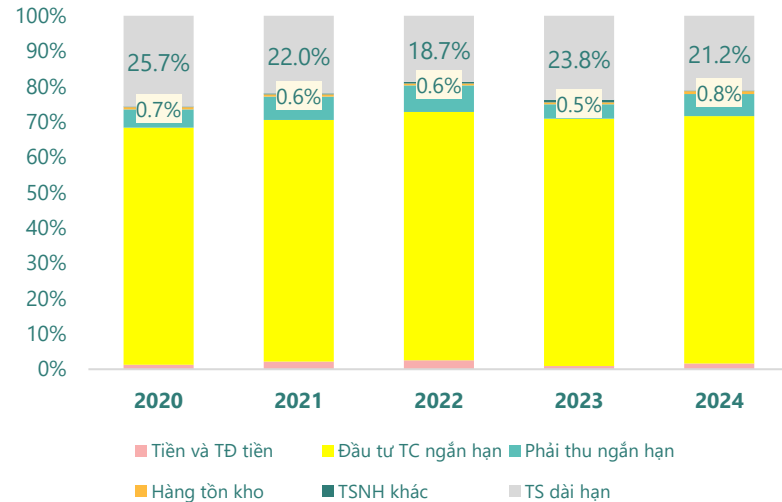
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

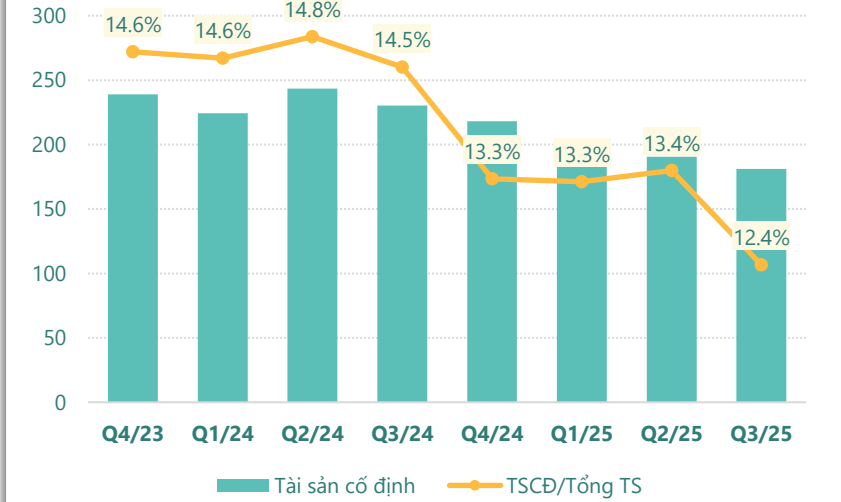
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

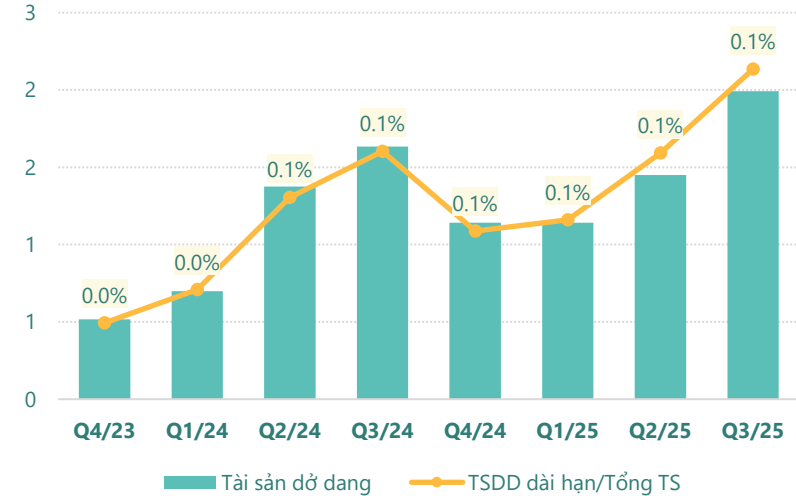
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

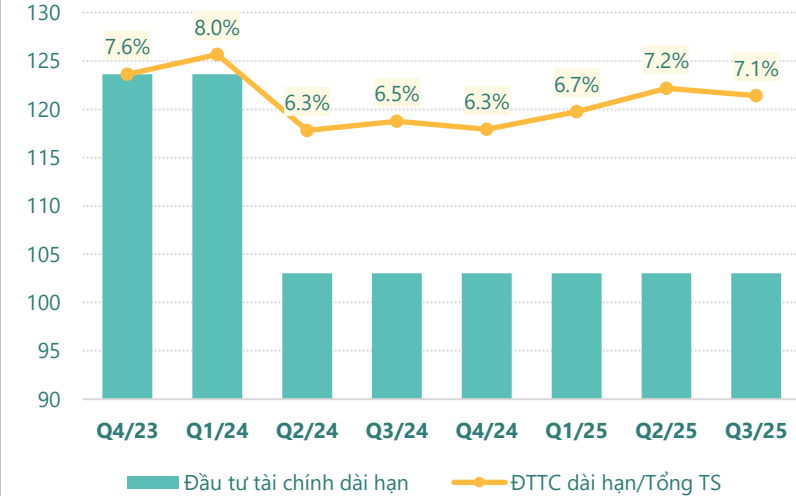
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

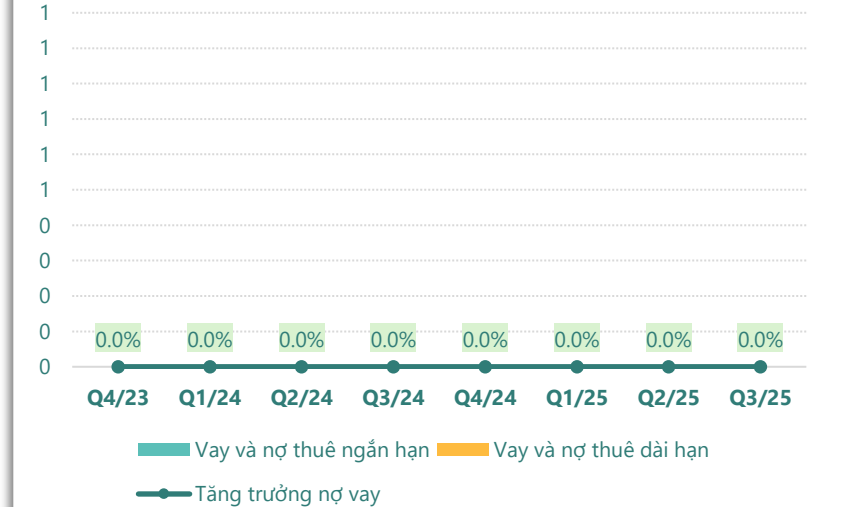
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

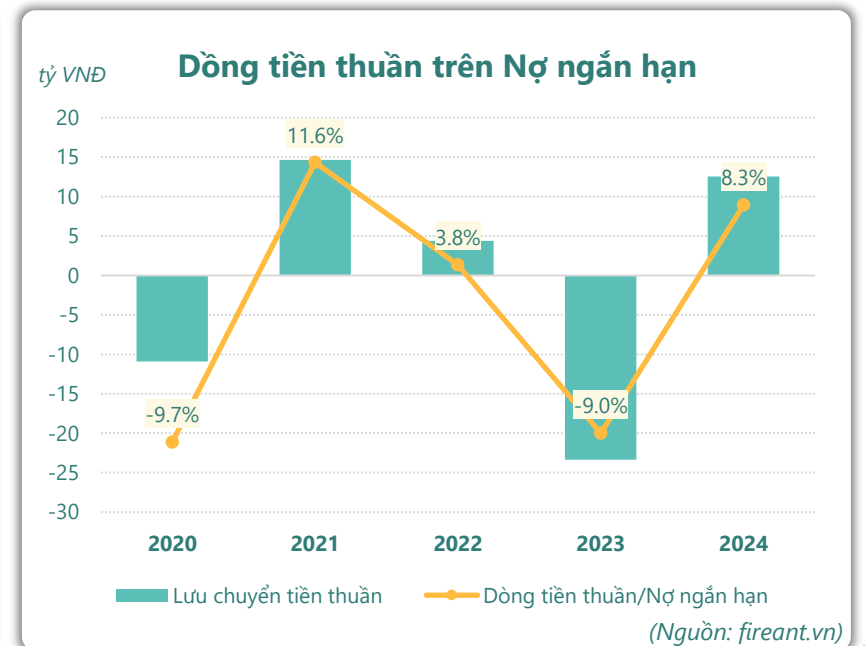
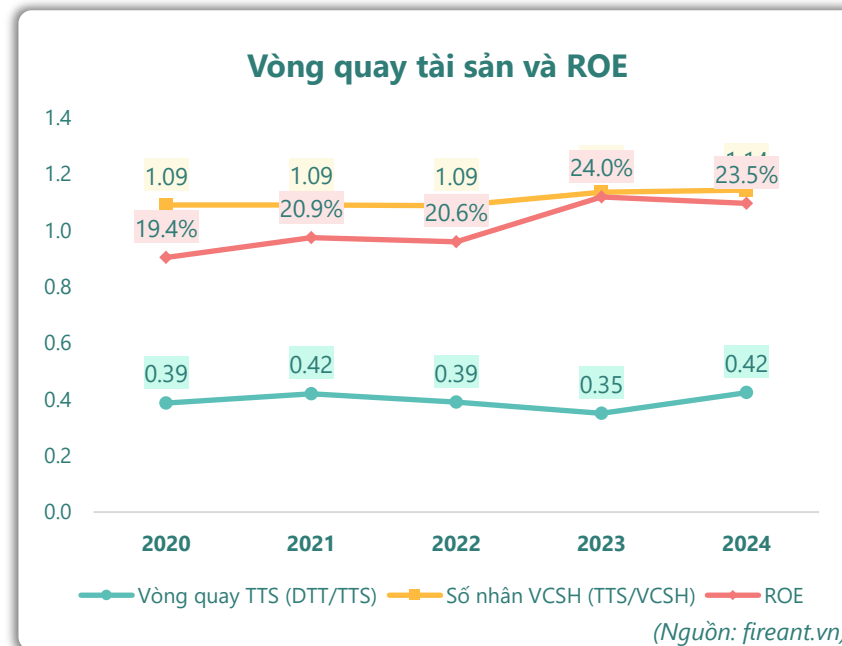
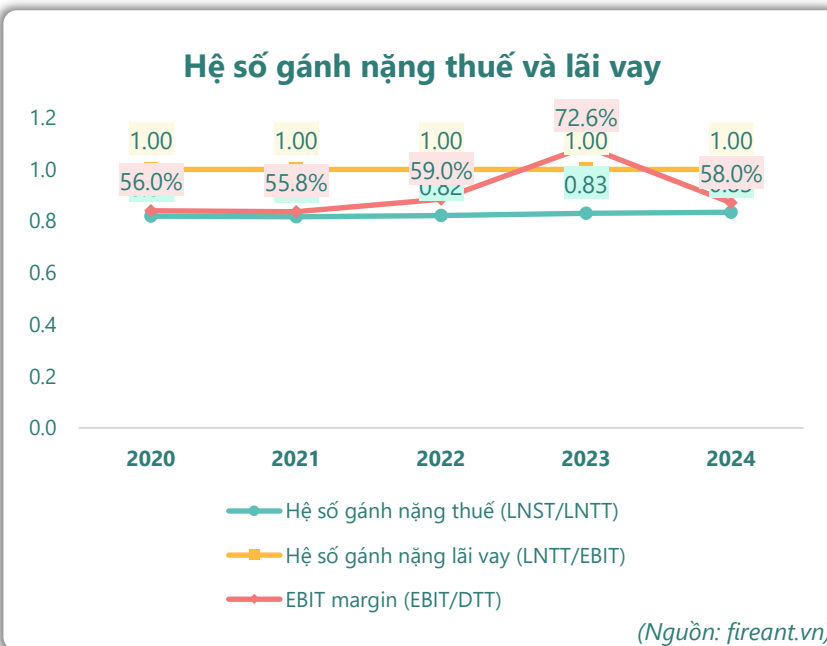
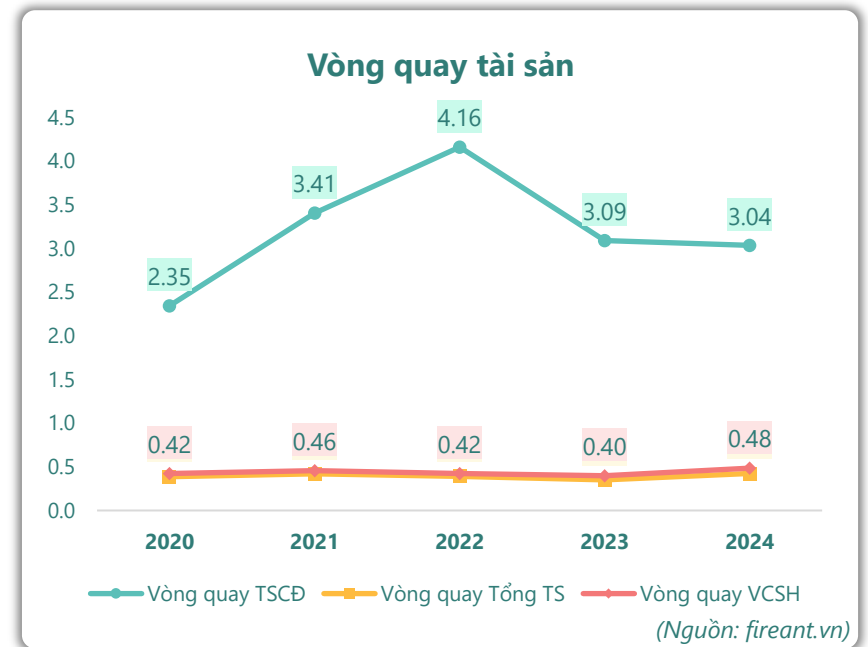
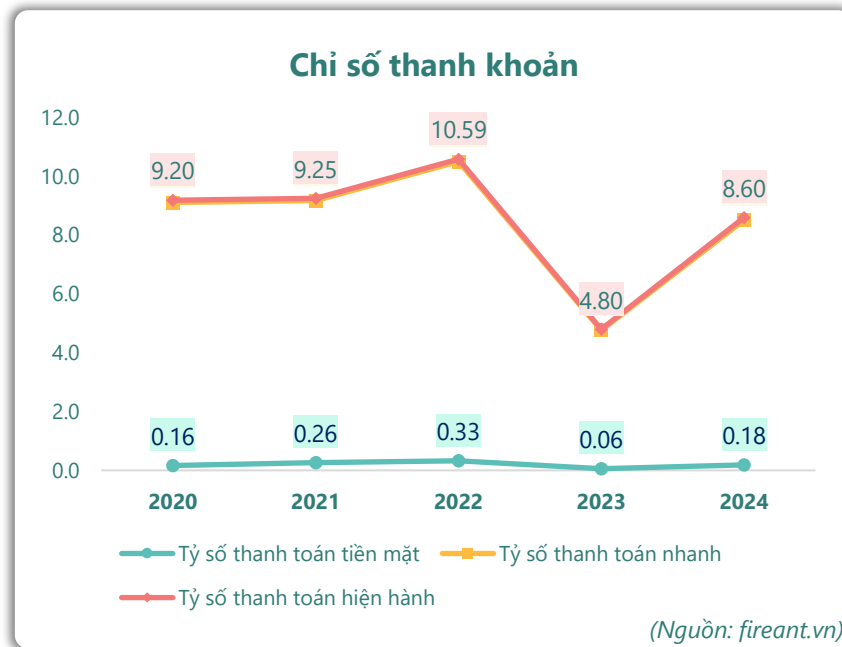
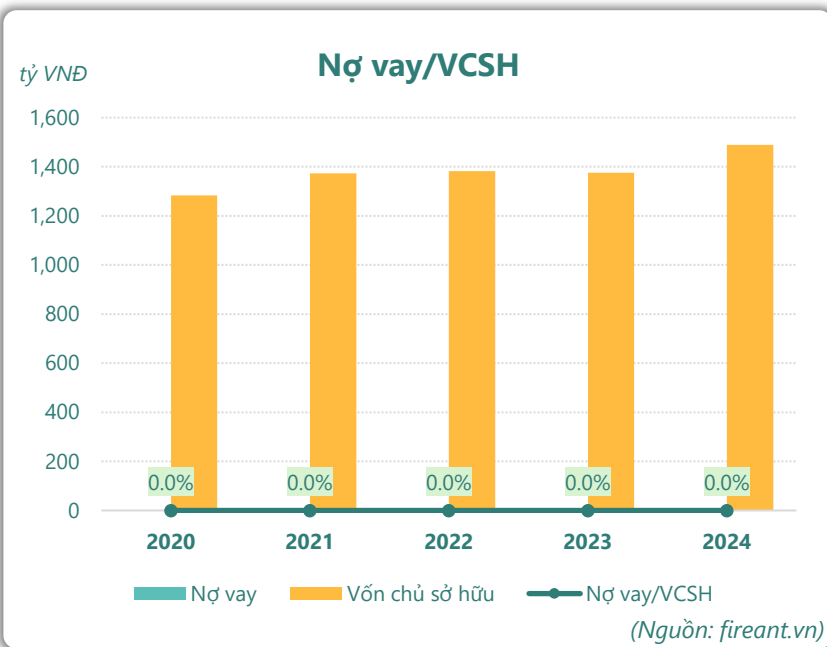
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	129	179	-27.8%	436	520	-16.2%
Giá vốn hàng bán	63.7	102	-37.5%	195	269	-27.5%
Lợi nhuận gộp	65.5	76.4	-14.3%	241	251	-4.1%
Doanh thu HĐTC	43.7	82.5	-47.0%	60.5	102	-40.6%
Chi phí TC	0.01	0.02	-31.0%	0.01	0.03	-56.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.19	0.00		0.46	0	
Chi phí QLDN	14.4	20.0	-27.9%	41.6	52.2	-20.4%
LN thuần từ HĐKD	94.6	139	-32.0%	259	301	-13.8%
Lợi nhuận khác	0.01	4.27	-99.7%	0.12	24.8	-99.5%
LN trước thuế	94.6	143	-33.9%	259	326	-20.3%
Lợi nhuận sau thuế	81.3	128	-36.5%	213	274	-22.4%
LNST của CĐ cty mẹ	81.3	128	-36.5%	213	274	-22.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	90.9	59.1	48.9	25.6	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-83.7	106	-46.0	118	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.78	-180	0	-120	0	0
Tiền đầu kỳ	32.0	39.0	23.8	27.3	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	6.41	-14.6	2.83	23.8	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.61	-0.61	0.61	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	39.0	23.8	27.3	51.0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,458	1,639	-11.0%
Tài sản ngắn hạn	1,148	1,292	-11.2%
Tiền và tương đương tiền	18.0	27.3	-33.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,054	1,147	-8.1%
Phải thu ngắn hạn	63.8	102	-37.7%
Hàng tồn kho	10.5	13.1	-19.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.22	1.99	-38.8%
Tài sản dài hạn	311	347	-10.6%
Phải thu dài hạn	0.07	0.09	-29.0%
Tài sản cố định	181	218	-17.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.99	1.14	74.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	24.3	24.9	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	118	150	-21.7%
Nợ ngắn hạn	118	150	-21.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.7	14.4	-26.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,340	1,489	-10.0%
Vốn chủ sở hữu	1,340	1,489	-10.0%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

